

Số: 70 QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của cộng tác viên thủy sản
tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 24/TTr-SNNPTNT-CCTS ngày 15 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức và hoạt động của Cộng tác viên thủy sản tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2 Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển tổ chức hoạt động, quản lý và khai thác mạng lưới cộng tác viên thủy sản đạt hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- VPUB: CVP, PCVP (L.T.Dũng);
- Lưu: VT, KT, Hào.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam

QUY ĐỊNH

Tổ chức và hoạt động của cộng tác viên thủy sản tỉnh Ninh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Để tổ chức quản lý hiệu quả các hoạt động thủy sản của địa phương, việc xây dựng, tổ chức hoạt động mạng lưới cộng tác viên thủy sản là rất cần thiết, nhằm kịp thời đưa những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển thủy sản, các tiến bộ của khoa học, kỹ thuật, ứng dụng quy trình sản xuất tiên tiến vào hoạt động thủy sản của nhân dân, với mục tiêu đẩy mạnh lĩnh vực thủy sản của tỉnh phát triển toàn diện, bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo cầu nối giữa cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản với người dân hoạt động thủy sản lĩnh ở cơ sở. Đồng thời, từng bước góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động thực hiện pháp luật về lĩnh vực khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản, môi trường sinh thái và các quy định của nhà nước trên các lĩnh vực hoạt động kinh tế thủy sản.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cộng tác viên thủy sản là những cộng sự trong lĩnh vực thủy sản thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, không thuộc diện biên chế, định biên của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, làm việc thường xuyên tại cơ sở, không tập trung, thực hiện việc theo dõi, nắm tình hình, thống kê số liệu, phản ánh tình hình hoạt động thủy sản ở địa phương, theo các nội dung, yêu cầu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhằm cung cấp thông tin cần thiết giúp công tác chỉ đạo của ngành sâu sát, đạt hiệu quả.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Thủy sản: Là một thuật ngữ chỉ chung về những nguồn lợi, sản vật đem lại cho con người từ môi trường nước và được con người khai thác, nuôi trồng thu hoạch sử dụng làm thực phẩm, nguyên liệu hoặc bày bán trên thị trường.

2. Hoạt động thủy sản: Là việc tiến hành khai thác, nuôi trồng, vận chuyển thủy sản khai thác; bảo quản, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản; dịch vụ trong hoạt động thủy sản; điều tra, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Điều 3. Yêu cầu của một cộng tác viên thủy sản

1. Có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có sức khỏe, có uy tín, am hiểu trong hoạt động thủy sản, có khả năng đánh giá tình hình, thống kê số liệu, tổng hợp đề xuất, kiến nghị giải quyết một số vấn đề khó khăn vướng mắc thuộc lĩnh vực được giao với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thủy sản.

2. Có khả năng vận động, tuyên truyền, chuyển tải được một số nội dung về chính sách, quy định của nhà nước, một số thông tin về khoa học kỹ thuật đối với hoạt động thủy sản đến người sản xuất trong lĩnh vực hoạt động thủy sản theo sự hướng dẫn của ngành.

3. Chấp hành đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn cộng tác viên thủy sản theo bản quy định này.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN LỢI VÀ MỐI QUAN HỆ** **CỦA CỘNG TÁC VIÊN THỦY SẢN**

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền lợi của cộng tác viên thủy sản

1. Nhiệm vụ: Nhiệm vụ cụ thể của từng cộng tác viên thủy sản trên cơ sở bản bạc thỏa thuận, nhưng phải đảm bảo các nhiệm vụ chính sau đây:

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách của nhà nước đối với hoạt động thủy sản, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện các mô hình ... đến người hoạt động thủy sản;

- Theo dõi, nắm tình hình, thống kê số liệu và phản ánh một hoặc nhiều lĩnh vực trong hoạt động thủy sản ở cơ sở theo tiến độ tuần, tháng, quý, năm trên các lĩnh vực:

- + Khai thác thủy sản;
- + Tàu cá và dịch vụ hậu cần nghề cá;
- + Nuôi trồng thủy sản;
- + Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;
- + Vệ sinh an toàn tàu cá;

- Thông tin áp thấp nhiệt đới, bão, lũ lụt đến người hoạt động thủy sản, báo cáo tình hình tổ chức phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, các tổn thất, thiệt hại do bão, lũ gây ra;

- Đề xuất, kiến nghị những vấn đề thực tế liên quan đến hoạt động thủy sản.

2. Quyền lợi:

- Được quan hệ với các đơn vị thuộc lĩnh vực thủy sản, chính quyền, đoàn thể ở địa phương theo sự giới thiệu của ngành về nội dung, yêu cầu công việc;

- Ký kết văn bản thỏa thuận làm cộng tác viên cho đơn vị thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, hưởng đầy đủ các khoản chi trả theo nhiệm vụ giao thực hiện trong văn bản thỏa thuận giữa hai bên đã ký kết;

- Được ưu tiên đi tham quan ngoài tỉnh, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện một số mô hình về lĩnh vực hoạt động thủy sản do ngành nông

ng nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện, nếu nhiệm vụ đảm nhận có liên quan đến các vấn đề đó;

- Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp cộng tác viên hoặc các hội nghị khi ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có giấy mời triệu tập.

Điều 5. Mọi quan hệ giữa đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với cộng tác viên thủy sản

1. Trách nhiệm của đơn vị:

- Chọn cộng tác viên thủy sản có đủ các yêu cầu như quy định tại Điều 3; ký kết văn bản thỏa thuận, hướng dẫn nghiệp vụ, tạo điều kiện làm việc cho đội ngũ cộng tác viên theo quy định này;

- Duy trì tổ chức họp giao ban Cộng tác viên thủy sản theo định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất để nghe cộng tác viên thủy sản báo cáo tình hình. Thường xuyên liên lạc với cộng tác viên thủy sản để cập nhật thông tin về tình hình hoạt động thủy sản, nhằm xử lý kịp thời, có kết quả các sự việc xảy ra ở cơ sở;

- Khi cần thiết thì cấp giấy giới thiệu cho cộng tác viên thủy sản, giấy giới thiệu ghi rõ nội dung công việc cần liên hệ với chính quyền, đoàn thể ở địa phương;

- Thời gian 3 tháng/lần, đơn vị tổ chức bàn bạc thỏa thuận ký giao ước công việc lại với cộng tác viên thủy sản. Nhiệm vụ và kinh phí chi trả cộng tác viên thủy sản thực hiện theo quy định này.

2. Trách nhiệm cộng tác viên thủy sản:

- Cộng tác viên thủy sản làm việc tại cơ sở, hoạt động thường xuyên, chuyên trách theo nhiệm vụ đảm nhận như nội dung đã thỏa thuận; luôn luôn giữ mối liên lạc thường xuyên với đơn vị thuộc ngành để trao đổi thông tin có liên quan;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp theo giấy mời của đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phản ánh các nội dung theo hướng dẫn của các đơn vị quản lý thủy sản;

- Không tự ý bỏ việc khi thời gian trong văn bản giao ước còn hiệu lực và đơn vị ký kết văn bản đó không vi phạm nội dung đã thỏa thuận. Trường hợp Cộng tác viên thủy sản xin nghỉ việc phải có văn bản báo trước cho đơn vị ký kết văn bản giao ước trước 15 ngày.

Điều 6. Số lượng cộng tác viên thủy sản

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động tổ chức mạng lưới cộng tác viên thủy sản ở cơ sở tối đa không quá 20 cộng tác viên. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ cộng tác viên thủy sản cho phù hợp nhằm hoạt động có hiệu quả. Riêng các chương trình đặc biệt được nhà nước quy định về số lượng, chế độ cho tổ chức, cá nhân phối hợp thì đơn vị thực hiện các quy định hiện hành của nhà nước theo từng chương trình.

Điều 7. Chế độ chi trả

Nguồn kinh phí chi trả cho cộng tác viên thủy sản do ngân sách tỉnh cấp theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm. Chế độ cộng tác viên được hưởng hàng tháng bao gồm: Tiền thù lao, chi phí đi lại, điện thoại, sô, giấy, bút. Tùy theo điều kiện làm việc của cộng tác viên thủy sản ở mỗi lĩnh vực, đặc thù từng địa bàn cụ thể mà mức chi trả cho mỗi cộng tác viên thủy sản có khác nhau, nhưng mức tối đa không quá 500.000 đồng/tháng/người. Cộng tác viên thủy sản không được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trang bị đồ bảo hộ lao động và an toàn lao động.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Khen thưởng và kỷ luật

1. Cộng tác viên thủy sản có thành tích đóng góp, thực hiện hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được đề nghị cơ quan chức năng xem xét khen thưởng theo chế độ hiện hành;

2. Cộng tác viên thủy sản cố tình làm trái quy định này và nội dung văn bản đã thỏa thuận ký kết, tùy theo mức độ, xem xét chấm dứt giao ước công việc, bồi thường hoặc xử lý với hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ven biển có hoạt động thủy sản và các ngành có liên quan căn cứ chức năng, thẩm quyền quy định của đơn vị để triển khai thực hiện quy định này;

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ven biển có hoạt động thủy sản tạo mọi điều kiện giúp đỡ cộng tác viên nghề cá thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ tổng hợp, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam